TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 172/2019/DS-PT
Ngày: 27 - 6 - 2019
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Phạm Việt Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Răng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp *"Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 366/2019/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp X, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Bích Ng, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Bích Ph, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp 3, xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp X, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Tình E, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp X, xã T, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Bà Lê Thị N(60 tuổi); cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

5. Bà Lê Thị Ái Th, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (có mặt).

7. Chị Nguyễn Hồng G, sinh năm 2003; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1995; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, hòa giải, bản tự khai, và các tài liệu có trong hồ sơ, Ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn Tr (tên gọi khác là Nguyễn Văn Chung), sinh năm 1935, chết năm 2018 và cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1938, chết năm 2010, cụ Tr và cụ B có 06 người con thứ tự gồm: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Bích Ng, Ông Nguyễn Văn T, Bà Nguyễn Bích Ph, Nguyễn Bích T, ông Nguyễn Tình E. Cha mẹ của cụ Tr, cụ B đều đã chết trước cụ Tr, cụ B.

Lúc sinh thời, cụ Tr và cụ B được cụ Nguyễn Văn Đ (cha cụ Tr) cho diện tích đất 30 công tầm lớn tại Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi; cụ Nguyễn Văn Tr (Chung) đã được cấp Giấy CNQSDĐ vào năm 1990 theo Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 03-4-1990 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tổng diện tích 29.560m^2. Quá trình sử dụng, cụ Tr đã chuyển nhượng 10.670m^2 cho ông Nguyễn Văn T (đã tách quyền sử dụng đất cho ông T xong) và tặng cho Ông Nguyễn Văn Ph với diện tích 6.636,8m^2 (có hợp đồng tặng cho 12-4-2016 nhưng chưa tách quyền sử dụng và hiện ông Ph đang sử dụng); diện tích đất còn lại là 18.933m^2 hiện bà Nguyễn Bích Ng sử dụng (diện tích đất này đang tranh chấp).

Ông T xác định khi cụ Tr chết không có để lại di chúc để lại đất cho bà Ng.

Đối với phần đất đã tặng cho ông Ph, ông T thống nhất giữ nguyên cho ông Ph và không yêu cầu phân chia. Việc bà Ng cho rằng phần đất bà Ng sử dụng có di chúc của ông Tr để lại, ông T yêu cầu xem xét tính hợp pháp của di chúc của cụ Tr do bà Ng cung cấp, nếu có căn cứ xác định di chúc là hợp pháp thì ông thống nhất giao phần đất cho bà Ng hưởng; trường hợp di chúc không hợp pháp thì yêu cầu phân chia phần di sản còn lại đối với phần đất bà Ng đang sử dụng với diện tích 13.809,4m^2 theo quy định của pháp luật và ông T yêu cầu được nhận phần đất gắn liền với ngôi nhà mà cụ Tr để lại.

Ông T thống nhất diện tích 13.809,4m^2 có giá trị là 150.000.000 đồng; đối với căn nhà cất theo Quyết định 167 và các tài sản khác không yêu cầu định giá. Ông T thống nhất giữ nguyên khu vực nền mộ có các ngôi mộ (của những người

thân trong gia đình) phía tiếp giáp sông Gành H và không yêu cầu, không tranh chấp. Nếu được phân chia đất, thì yêu cầu ông Ph giao lại Giấy CNQSDĐ của cụ Tr (mà ông Ph đang cất giữ) để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho ông được hưởng.

Ông T cũng xác định, khi cụ Tr và cụ B không còn sống chung với nhau, thì Bà Lê Thị N về sống chung với cụ Tr, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vào khoảng năm 2017 thì bà N bỏ địa phương đi đâu không rõ.

** Trong đơn yêu cầu công nhận Di chúc, biên bản hòa giải, bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác, bà Nguyễn Bích Ng trình bày:*

Về phần đất đứng tên cụ Tr để lại, về hàng thừa kế, thỏa thuận giá trị đất tranh chấp, phần đất ông Ph sử dụng không có tranh chấp thì bà Ng thống nhất với lời trình bày của ông T. Tuy nhiên, đối với phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế 13.809,4m^2, bà Ng xác định là bà đã được cụ Tr di chúc lại cho bà vào ngày 05-3-2018, chứng thực số 14, quyển 01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Bà Ng xác định việc lập di chúc đã được thực hiện tại UBND xã T và có bà Ng đi cùng. Khi đi làm Di chúc cụ Tr còn minh mẫn và tỉnh táo, Bản di chúc do cụ Tr nhờ người khác đánh máy, sau khi lập xong di chúc có niêm phong giao cho bà Ng giữ 01 bản và UBND xã T giữ 01 bản.

Nay bà Ng yêu cầu hưởng toàn bộ phần đất theo di chúc của cụ Tr để lại có diện tích theo đo đạc thực tế là 13.809,4m^2. Đồng thời, bà Ng yêu cầu ông Ph giao lại Giấy CNQSDĐ của cụ Tr mà ông Ph đang cất giữ để làm thủ tục tách quyền sử dụng đối với phần đất bà được hưởng.

** Ông Nguyễn Văn Ph trình bày:* Ông được cụ Tr cho phần đất cách nay 32 năm, trước thời điểm cụ Tr chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, nhưng đến năm 2016 thì cụ Tr mới làm hợp đồng tặng cho và đo đạc thì có diện tích là 6.278m^2. Nay ông yêu cầu được công nhận phần đất đã được cụ Tr cho trước đây, phần đất còn lại bà Ng đang quản lý yêu cầu phân chia và hưởng di sản thừa kế theo pháp luật.

Tuy nhiên, ông Ph không có nộp đơn yêu cầu độc lập.

** Bà Nguyễn Bích Ph và Bà Nguyễn Tình E trình bày tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 17/10/2018:*

Trường hợp xác định di chúc của cụ Tr để lại là hợp pháp, thì các đương sự này đồng ý để chị Ngân hưởng phần đất, trường hợp di chúc không hợp pháp thì yêu cầu phân chia và hưởng di sản thừa kế theo pháp luật.

** Đối với Bà Nguyễn Bích T, Bà Lê Thị Ái Th, Anh Nguyễn Minh Đ, Chị Nguyễn Hồng G và Chị Nguyễn Thùy D:* Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì về các nội dung được thông báo và không tham gia hòa giải xét xử.

** Đối với bà Lê Thị N*: Cán bộ tống đạt đã đến địa phương nơi bà N sinh sống nhưng không tống đạt được các văn bản tố tụng do bà N đã bỏ địa phương đi nơi khác không xác định được địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các các văn

bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà N không có ý kiến gì về các nội dung được thông báo và không tham gia hòa giải xét xử.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 24 tháng 24 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 624, 625, 626, 627, 628, khoản 1 Điều 630 và Điều 635 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T yêu cầu phân chia theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 13.809,4m^2, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích Ng.

Công nhận di chúc của cụ Nguyễn Văn Tr lập ngày 05-3-2018 tại UBND xã T là hợp pháp.

Bà Ng được hưởng diện tích đất là 13.809,4m^2 tại Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi theo di chúc của cụ Tr. Phần đất có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp phần đất ông Nguyễn Trung Th, (M2M3) dài 122,03m.
- Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Công H, (M1M9) dài 113,9m.
- Phía Nam giáp Kinh xáng thủy lợi, (từ M3 đến M9) ngang 125,6m.
- Phía Bắc giáp sông Gành H, (M1M2) ngang 125,86m.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 06-12-2018)

3. Buộc Ông Nguyễn Văn Ph giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Văn Tr) được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp theo Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 03/4/1989 để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất đối với phần đất bà Ng được hưởng theo di sản của cụ Tr để lại. Trường hợp ông Ph không thực hiện thì bà Ng có quyền liên hệ đến cơ Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, Ông Nguyễn Văn T, có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà Ng về việc công nhận di chúc, vì các căn cứ:

- Di chúc này không phải tự tay ông Nguyễn Văn Tr viết, mà do bà Ng đi đánh máy vi tính và tự ký tên; tờ di chúc này cũng không được công chứng thực hợp pháp.

- Ông Nguyễn Văn Tr cũng không đến Hội đồng giám định y khoa tỉnh Cà Mau để xác định có đủ điều kiện làm tờ di chúc này hay không.

Từ đó, ông T yêu cầu bà Ng phải chia cho ông T diện tích 7.000m^2 theo kỷ phần thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Do Bản di chúc lập ngày 05-3-2018 của cụ Nguyễn Văn Tr di chúc để lại phần đất diện tích 14.000m^2 theo đo đạc thực tế là 13.809,4m^2 đã được UBND xã T chứng thực là hợp pháp theo Điều 630 Bộ luật dân sự, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chính vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Do Ông Nguyễn Văn T không thừa nhận bản di chúc ngày 05-3-2018 của ông Nguyễn Văn Tr di chúc để lại phần đất theo đo đạc thực tế là 13.809,4m^2 cho bà Nguyễn Bích Ng, nên ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 13.809,4m^2. Còn bà Nguyễn Bích Ng có yêu cầu công nhận di chúc và được cấp sơ thẩm chấp nhận. Nay ông T tiếp tục có yêu cầu kháng cáo không thừa nhận bản di chúc của cụ Tr, ông T yêu cầu chia thừa kế phần đất 13.809,4m^2, xét nội dung yêu cầu kháng cáo này cũng là phạm vi xét xét xử phúc thẩm của vụ án.

[2] Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn Tr (tên gọi khác là Nguyễn Văn Chung), sinh năm 1935, chết năm 2018 và cụ Nguyễn Thị B, sinh năm 1938, chết năm 2010, cụ Tr và cụ B có 06 người con gồm: Nguyễn Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Bích Ph, Nguyễn Bích T, Nguyễn Tình E và Nguyễn Văn T (đối với cha mẹ ruột của cụ Tr, cụ B đều chết). Theo hồ sơ thể hiện, sau khi cụ Tr với cụ B không còn chung sống với nhau thì vào năm 2005 Bà Lê Thị N về chung sống với cụ Tr, nhưng không có đăng ký kết hôn, không có con chung (xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T). Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tr gồm 06 người con như đã nêu trên.

[3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 13.809,4m^2 nằm trong một phần diện tích đất cụ Nguyễn Văn Tr đứng tên 29.560m^2, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp năm 1990. Quá trình sử dụng, cụ Tr có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T một phần thửa 18, tờ bản đồ số 4, có diện tích 10.627m^2 (đã tách quyền sử dụng đất); phần diện tích đất còn lại là 18.933m^2. Vào năm 2010, sau khi cụ B chết đến ngày 12/4/2016 thì cụ Tr lập hợp đồng tặng cho Ông Nguyễn

Văn Ph diện tích đất còn lại của thửa 18 là 6.278m^2 (phần đất này không tranh chấp). Vào năm 2018, theo bà Nguyễn Bích Ng xác định lúc cụ Tr còn sống thì cụ Tr đã lập di chúc cho bà Ng hưởng diện tích khoảng 14.000m^2 (đo đạc thực tế là 13.809,4m^2).

[4] Qua xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, xác định phần đất trên thể hiện như sau:

[4.1] Phần đất do Ông Nguyễn Văn Ph đang quản lý, sử dụng tổng diện tích 6.636,8m^2 gồm hai thửa đất: Thửa thứ nhất diện tích 6.475,4m^2; Thửa thứ hai diện tích 161,4m^2 *(vị trí tứ cận có kèm theo bản vẽ ngày 06-12-2018)*. Phần đất này, ông Ph đang quản lý, sử dụng cùng với Bà Lê Thị Ái Th, Anh Nguyễn Minh Đ, Chị Nguyễn Hồng G và Chị Nguyễn Thùy D. Trên phần đất ông Ph có 01 căn nhà xây dựng năm 2008, kích thước ngang 6,3m x 14,8m; 01 cống xuyên lộ xây dựng năm 2017 và 01 ngôi mộ của cụ B. Về phần đất này không có tranh chấp, phía ông T, bà Ng và các đương sự còn lại cũng thống nhất giữ nguyên cho ông Ph tiếp tục sử dụng. Ông Ph có trình bày yêu cầu công nhận phần đất trên cho ông sử dụng, nhưng do yêu cầu của ông Ph đưa ra sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Ph chưa thực hiện nộp đơn khởi kiện (đồng thời do đất này không ai tranh chấp với ông Ph), nên cấp sơ thẩm không đặt ra xét xử nội dung này của ông Ph là phù hợp. Đối với phần đất này, cụ Tr đã thực hiện xong việc tặng cho đất ông Ph, ông Ph đang đăng ký sử dụng quyền sử dụng đất, nay cụ Tr chết, thì ông Ph vẫn có quyền tiếp tục đăng ký để được cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định Luật đất đai năm 2013. Trong trường hợp có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4.2] *Phần đất do bà Nguyễn Bích Ng đang quản lý, sử dụng diện tích 13.809,4m^{2}có các phía tiếp giáp:* Phía Đông giáp phần đất ông Nguyễn Trung Th, (M2M3) dài 122,03m; Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Công H, (M1M9) dài 113,9m; Phía Nam giáp Kinh xáng thủy lợi, (từ M3 đến M9) ngang 125,6m; Phía Bắc giáp sông Gành H, (M1M2) ngang 125,86m. Trên phần đất này có 01 căn nhà của cụ Tr được xây dựng năm 2012-2013 theo Quyết định 167, kích thước 5m x 10m và cơi nới thêm có tổng kích thước là 05m x 17,8m và có 04 ngôi mộ là người thân của thân tộc ông T, bà Ng.

[5] *Xét tính hợp pháp của di chúc do cụ Tr để lại phần đất 14.000m^2 cho bà Ng lại thấy rằng:*

[5.1] Tại Bản di chúc lập ngày 05-3-2018, chứng thực số 14, quyển số 01/2018-SCT/HĐ,GD cùng ngày 05-3-2018, có nội dung: *"...Tôi Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1953, thường trú Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi. Trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sáng suốt, tôi lập di chúc như sau: Tài sản của tôi gồm có một phần đất với diện tích khoảng 14.000m^2. Phần đất này sau khi tôi chết, ý chí tôi muốn để lại cho con gái thứ hai của tôi là Nguyễn Bích Ng với diện tích 14.000m^2 quản lý sử dụng trên phần đất này và có nghĩa vụ thờ, cúng ông bà, tổ tiên và vợ chồng tôi…".*

[5.2] Theo bà Ng trình bày, khi làm Di chúc bà cùng đi với cụ Tr đến UBND xã T; khi lập Di chúc cụ Tr còn minh mẫn, tỉnh táo và được ông Lê Minh Còn, Phó Chủ tịch UBND xã T ký chứng thực vào ngày 05/3/2018. Xét

lời trình bày của bà Ng phù hợp với Di chúc do cụ Tr thiết lập và được chứng thực của UBND xã T tại văn bản số 101/UBND-VP ngày 17/4/2019. Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất: Sau khi cụ Tr chết hơn nửa tháng thì UBND xã T mời đến trụ sở công bố Bản di chúc thì mới biết cụ Tr lập di chúc cho bà Ng. Thấy rằng, khi lập di chúc cụ Tr còn minh mẫn và việc lập di chúc này là tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; nội dung di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật và được UBND xã T công bố sau khi cụ Tr chết là hợp pháp. Vì vậy, di chúc của cụ Tr để lại đã thỏa mãn các quy định tại các Điều 624, 625, 626, 627, 628, khoản 1 Điều 630, Điều 636 của Bộ luật Dân sự. Từ đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Ng về việc yêu cầu công nhận Di chúc. Do di chúc lập hợp pháp, nên bà Ng yêu cầu hưởng phần di sản theo thẩm định thực tế 13.809,4m^2 và yêu cầu ông Ph giao lại Giấy CNQSDĐ của cụ Tr để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất trên cho bà là phù hợp.

[6] Việc xác định được di chúc là hợp pháp, thì theo ý kiến của ông Ph, bà Ph, bà T, Bà Nguyễn Tình E cũng thống nhất giao phần đất 13.809,4m^2 cho bà Ng tiếp tục sử dụng. Việc giao phần đất trên cho bà Ng sử dụng theo di chúc ngoài việc phù hợp luật định, phù hợp ý chí nguyện vọng của cụ Tr, bên cạnh đó còn phù hợp với nguyện vọng của thân tộc của cụ Tr, bởi lẽ theo biên bản họp thân tộc lập ngày 02-10-2018 (Bút lục số 63) có bà Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị H, Nguyễn Hồng Đ xác định là em của cụ Tr, cho rằng khi cụ Tr và Bảy tự thôi nhau, thì tài sản miếng đất của mẹ cụ Tr cho thì cụ Tr giao cho cụ B phần đất nông nghiệp, cụ Tr còn lại đất đất biển lá giáp sông, thì cụ B cắt chia cho 02 con trai gồm: ông Ph 03 công, ông T 03 công; nhưng ông Ph nhận đất, ông T không nhận đất mà nhận vàng, thời điểm đó nhận 02 chỉ/công, ông T nhận tổng cộng 06 chỉ vàng. Nội dung biên bản họp thân tộc này cũng xác định, *do là người trong cuộc nên chúng tôi có cùng quan điểm là, anh Nguyễn Văn Tr qua đời để lại di chúc cho cháu Nguyễn Bích Ng hưởng là hoàn toàn hợp tình, bởi cháu Ngân có công phụng dưỡng cha già sức yếu đến cuối đời, cũng như hoàn tất việc mai táng, thờ cúng.* Còn đối với ông T, theo ý kiến thân tộc thì ông T được chia 03 công nhưng ông không nhận đất mà ông nhận vàng, chứ không phải ông T không được chia phần đất nào. Nay ông T tiếp tục đặt ra yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất bà Ng đã (được cụ Tr để lại), điều này là không phù hợp.

[7] Đối với căn cứ kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T cho rằng di chúc không hợp pháp và khi lập di chúc ông Tr cũng không đến Hội đồng giám định y khoa tỉnh Cà Mau để xác định có đủ điều kiện làm tờ di chúc này hay không. Xét việc ông T cho rằng ông Tr không còn minh mẫn, nhưng ông không đưa ra được chứng cứ về bệnh án hay tài liệu gì chứng minh cho sức khỏe của ông Tr thể hiện rằng khi lập Di chúc là không còn minh mẫn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng chữ ký của cụ Tr bị giả và đề nghị cho giám định lại chữ ký của cụ Tr, tuy nhiên yêu cầu của ông T đã không đặt ra từ cấp sơ thẩm; tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã công bố công văn số: 101/UBND-VP ngày 17-4-2019 của UBND xã T trả lời về tính hợp pháp của Di chúc, Ủy ban khẳng định việc cụ Tr đến chứng thực Di chúc là có thật, chữ ký cụ Tr ký trong bản Di chúc là ký trước

mặt công chức tư pháp của xã… Xét thấy, ông T cho rằng chữ ký trong bản Di chúc là giả, nhưng ông T cũng lại cho rằng cụ Tr lập Di chúc là không còn minh mẫn, điều này là có mâu thuẫn nhau, và tại tòa ông T cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông, nên yêu cầu kháng cáo của ông T không được chấp nhận là phù hợp.

[8] Đối với bà Lê Thị N, theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T tại Công văn số: 101/UBND-VP ngày 17-4-2019 nêu trên, xác định bà N với ông Tr có sống chung với ông Tr như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, không có con chung từ năm 2005, đến năm 2017 bà N bỏ địa phương đi đâu không rõ. Quá trình giải quyết vụ án, bà N không có đơn yêu cầu độc lập, án sơ thẩm xử xong bà N không có kháng cáo. Đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm, thì vào ngày 11-6-2019 bà N có nộp đơn yêu cầu phân chia di sản phần đất 14.000m^2 do cụ Tr để lại, với lý do bà N, ông Tr khi chết không để lại di chúc. Xét lời trình bày này của bà N là không có cơ sở, vì thực tế bản di chúc cụ Tr để lại di sản cho bà Ng là có thật và đúng pháp luật như đã nhận định. Phần đất cụ Tr đứng tên, cụ Tr di chúc cho bà Ng là phù hợp (nguồn gốc phần đất này cụ Tr được cấp từ năm 1990, có trước khi bà N về sống với cụ Tr), nên cụ Tr có quyền định đoạt tài sản này và để lại di chúc cho bà Ng là phù hợp. Hơn nữa, do phần đất chỉ đứng tên riêng cho cụ Tr, nên trước đó cụ Tr đã tự chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, và tặng cho đất ông Ph, thì bà Bảy, bà N và các anh em ông Ph không ai tranh chấp gì. Nay bà N trình bày phần đất trên có phần của bà là không có cơ sở. Tuy nhiên, ngoài phần đất ra, nếu bà N xác định được tài sản nào là của bà có chung với cụ Tr, thì bà có quyền thỏa thuận với các con cụ Tr để bà N sử dụng, trường hợp có tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[9] Từ nhận định trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm của TAND huyện Đầm Dơi như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Ng tự nguyện chịu số tiền 6.000.000 đồng. Bà Ng có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T 3.000.000 đồng là phù hợp với Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[11] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Ng phải chịu án phí chia tài sản theo di chúc là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng. Ông T không được chia tài sản thừa kế nên không phải chịu án phí, là phù hợp với khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nên Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí 300.000 đồng, ông T đã dự nộp theo biên lai thu số 0009371 ngày 6-5-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

[12] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T yêu cầu phân chia theo pháp luật đối với diện tích đất là 13.809,4m^2 tại Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích Ng. Công nhận Di chúc của cụ Nguyễn Văn Tr lập ngày 05/3/2018, chứng thực số 14, quyển 01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau là hợp pháp.

Bà Ng được hưởng diện tích đất là 13.809,4m^2 tại Ấp T, xã T, huyện Đầm Dơi theo Di chúc của cụ Tr. Phần đất có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp phần đất ông Nguyễn Trung Th, (M2M3) dài 122,03m.
- Phía Tây giáp phần đất ông Nguyễn Công H, (M1M9) dài 113,9m.
- Phía Nam giáp Kinh xáng thủy lợi, (từ M3 đến M9) ngang 125,6m.
- Phía Bắc giáp sông Gành H, (M1M2) ngang 125,86m.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 06-12-2018 kèm theo)

3. Buộc Ông Nguyễn Văn Ph giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) do cụ Nguyễn Văn Ch (Nguyễn Văn Tr), số vào sổ: 03276 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp theo quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 03/4/1989 để làm thủ tục tách quyền sử dụng đất đối với phần đất bà Ng được hưởng theo di sản của cụ Tr để lại. Trường hợp ông Ph không thực hiện thì bà Ng có quyền liên hệ đến cơ nhà nước có thẩm quyền để kê khai, làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Ng phải chịu toàn bộ là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Bà Ng phải hoàn trả cho ông T 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Ng không tự nguyện thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh tính theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T không phải chịu. Hoàn trả cho ông T số tiền 1.758.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai số 0010419 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Ng phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), đối trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010450 ngày 04/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì bà Ng được nhận lại 1.250.000 đồng.

- *Án phí phúc thẩm:* Ông Nguyễn Văn T phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009371 ngày 6-5-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út

-